***Mẫu số 02A. Mẫu tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu***

|  |  |
| --- | --- |
| **[ĐƠN VỊ TRÌNH[[1]](#footnote-1)]** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số:\_\_\_\_ | *\_\_\_, ngày\_\_\_tháng\_\_năm\_\_\_* |

**TỜ TRÌNH**

**Kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**dự án, dự toán mua sắm:***\_\_\_[tên dự án, dự toán mua sắm]*

Kính gửi:\_\_\_ *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu[[2]](#footnote-2)]*

*[Đơn vị trình]* trình *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

**I. Mô tả tóm tắt dự án, dự toán mua sắm**

***1. Đối với dự án, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:***

*- Tên dự án*

*- Tổng mức đầu tư[[3]](#footnote-3)*

*- Chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;*

*- Nguồn vốn;*

*- Thời gian thực hiện dự án;*

*- Địa điểm, quy mô dự án;*

*- Các thông tin khác (nếu có).*

***2. Đối với dự toán mua sắm, phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự toán mua sắm như sau:***

 *a) Dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách được cấp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm; dự kiến nguồn tài chính hợp pháp trong năm tài chính hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm;*

 *b) Giá trị phần công việc mua sắm đã thực hiện trong năm tài chính, năm ngân sách;*

1. *Phần kinh phí không dùng để mua sắm;*

*d) Dự toán mua sắm, được xác định bằng kinh phí nêu tại điểm a khoản này trừ kinh phí nêu tại điểm b và điểm c khoản này.*

*Trường hợp chủ đầu tư có sẵn kinh phí để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính và không dùng nguồn thu dự kiến trong năm thì không phải xác định dự toán mua sắm như trên. Trong trường hợp này, dự toán mua sắm là khoản kinh phí có sẵn dùng để mua sắm trong năm ngân sách, năm tài chính. Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dài hơn 01 năm thì nêu rõ dự toán mua sắm của năm ngân sách, năm tài chính và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo.*

 *Trong phần này cũng nêu rõ tên chủ đầu tư; năm ngân sách, năm tài chính của dự toán mua sắm.*

**II. Căn cứ pháp lý**

*Căn cứ \_\_[Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023];*

*Căn cứ \_\_[Ghi số, ngày ban hành và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:*

*- Đối với dự án nêu căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15;*

*- Đối với dự toán mua sắm nêu căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15].*

**III.  Phần công việc đã thực hiện(1)**

**Bảng số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc hoặc tên gói thầu(2)** | **Đơn vị thực hiện(3)** | **Giá trị(4)** | **Văn bản phê duyệt(5)** |
| 1 |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |
| ***Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]*** |  |   |

Ghi chú:

*(1)* *Phần công việc đã thực hiện bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu, công việc khác đã được thực hiện (gồm cả gói thầu đã ký kết và đang thực hiện hợp đồng) với giá trị tương ứng và văn bản phê duyệt là căn cứ pháp lý để thực hiện.*

*(2) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.*

*(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.*

*(4) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền (ghi theo giá trị thanh lý, nghiệm thu hoặc giá hợp đồng,… tùy theo giá trị nào gần nhất với thời điểm trình).*

*(5) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,…).*

**IV. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu(1)**

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc(2)** | **Đơn vị thực hiện(3)** | **Giá trị(4)** |
| 1 |   |   |   |
| 2 |   |   |   |
| … |   |   |   |
| ***Tổng giá trị [kết chuyển sang nội dung tương ứng của Bảng số 5]*** |  |

*Ghi chú:*

*(1) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu bao gồm: hoạt động của ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, trả lãi vay; các công việc do chủ đầu tư tự tiến hành bao gồm lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu và các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu với giá trị tương ứng.*

*(2) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.*

*(3) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).*

*(4) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.*

 **V. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu(1):**

**Bảng số 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên chủ đầu** **tư(2)** | **Tên gói thầu(3)** | **Giá gói thầu(4)** | **Nguồn vốn(5)** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu(6)** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu(7)** | **Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu(8)** | **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu(9)** | **Loại hợp đồng(10)** | **Thời gian thực hiện gói thầu(11)** | **Tùy chọn mua thêm(12)** | **Giám sát hoạt động****đấu****thầu**  **(13)** |
| ***Tên gói thầu*** | ***Tóm tắt công việc chính của gói thầu***  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng giá gói thầu** *[kết chuyển sang* ***Bảng số 5****]* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú:*

 *(1) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Đơn vị trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu rõ cơ sở của việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu tại Mục V.2 của tờ trình này.*

*(2) Điền tên chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư đối với gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu hoặc gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án.*

*(3) Ghi tên gói thầu vào cột “Tên gói thầu”; nêu tóm tắt phạm vi công việc chính của gói thầu vào cột “Tóm tắt công việc chính của gói thầu”.*

*Nội dung, phạm vi công việc của gói thầu phù hợp với nội dung nêu trong quyết định phê duyệt dự án, phù hợp với dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần riêng biệt thì tên của từng phần cần thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.*

*(4) Giá gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(5) Nguồn vốn thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(6)**Hình thức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 39 của Luật Đấu thầu; việc áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II và khoản 6 Điều 43 Luật Đấu thầu.*

*Đối với gói thầu quy định tại các điểm a, b, c và m khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu, trường hợp đề xuất áp dụng quy trình rút gọn thì ghi “chỉ định thầu rút gọn”* *vào Mục này; trường hợp đề xuất áp dụng quy trình thông thường thì ghi “chỉ định thầu thông thường” vào Mục này.*

*(7)**Phương thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II của Luật Đấu thầu. Trong đó, phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ chỉ được áp dụng đối với: gói thầu có đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu (đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp); gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.*

*Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn, đàm phán giá, tự thực hiện, tham gia thực hiện của cộng đồng thì không ghi nội dung này.*

*(8)**Ghi tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (là số ngày tối đa tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu, bao gồm cả thời gian thẩm định. Trường hợp cần thiết, có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời gian thẩm định vào mục này.*

*Trường hợp gói thầu có lựa chọn danh sách ngắn thì thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu bao gồm cả thời gian lựa chọn danh sách ngắn tính từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm đến khi có kết quả lựa chọn danh sách ngắn (có thể ghi rõ thời gian đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, thời gian thẩm định).*

*(9) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(10) Loại hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Đấu thầu.*

*(11)**Thời gian thực hiện gói thầu thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*Thời gian thực hiện gói thầu cần phù hợp với tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần.*

*Đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung, thời gian thực hiện gói thầu căn cứ theo thỏa thuận khung.*

*(12) Tùy chọn mua thêm thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu.*

*(13)**Đối với gói thầu được đề xuất áp dụng giám sát, ghi rõ cá nhân, đơn vị được đề xuất thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu kèm theo email, số điện thoại, địa chỉ liên hệ. Đối với gói thầu không đề xuất áp dụng giám sát hoạt động đấu thầu, ghi rõ “không đề xuất”.*

 **2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

*Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại* ***Bảng số 3****, cụ thể như sau:*

a) Cơ sở phân chia các gói thầu:\_\_\_*[giải trình cơ sở phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu. Việc phân chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, dự toán mua sắm, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:*

*+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, dự toán mua sắm, không được chia công việc của dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;*

*+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, dự toán mua sắm;*

*+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, dự toán mua sắm năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);*

*Việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu];*

*b) Giá gói thầu;*

*c) Nguồn vốn;*

*d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;*

*đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu;*

*e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;*

*g) Loại hợp đồng;*

*h) Thời gian thực hiện gói thầu;*

*i) Tùy chọn mua thêm (nếu có);*

*l) Giám sát hoạt động đấu thầu (nếu có).*

**VI. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)**

*Trường hợp tại thời điểm lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án, dự toán mua sắm có những phần công việc chưa đủ điều kiện để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì cần nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này tại Bảng số 4.*

**Bảng số 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 |   |  |
| 2 |   |  |
| 3 |   |  |
| ... |   |  |
| **Tổng giá trị** *[kết chuyển sang* ***Bảng số 5****]* |  |

**VII. Tổng giá trị các phần công việc**

**Bảng số 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện |  |
| 2 | Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu |  |
| 3 | Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu |  |
| 4 | Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) |  |
| **Tổng giá trị các phần công việc** |  |
| **Tổng mức đầu tư của dự án, dự toán mua sắm hoặc dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư** | *[ghi giá trị]* |

**VIII. Kiến nghị**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[đơn vị trình]* đề nghị\_\_\_*[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm:\_\_\_*[ghi tên dự án, dự toán mua sắm].*

Kính trình *[người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]* xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Đơn vị thẩm định;- Lưu VT. | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

**DANH MỤC TÀI LIỆU**

*(Kèm theo Tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| **I** | **Đối với dự án** |  |
| *1* | *Quyết định phê duyệt dự án và các tài liệu có liên quan. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án là quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư.* | *Bản chụp* |
| *2* | *Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có)* | *Bản chụp* |
| *3* | *Tài liệu về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công* | *Bản chụp* |
| *4* | *Kế hoạch bố trí vốn thực hiện dự án hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.* | *Bản chụp* |
| *5* | *Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, trừ trường hợp đấu thầu trước quy định tại Điều 42 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15.* | *Bản chụp* |
| *6* | *Văn bản pháp lý có liên quan* |  |
| **II** | **Đối với dự toán mua sắm** |  |
| *1* | *Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có)* | *Bản chụp* |
| *2* | *Văn bản pháp lý có liên quan* | *Bản chụp* |

1. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu, trường hợp người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị trình là chủ đầu tư; trường hợp chủ đầu tư (bao gồm cả trường hợp được người có thẩm quyền ủy quyền) hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì đơn vị trình là do chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án quy định. [↑](#footnote-ref-1)
2. Được xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Luật Đấu thầu. [↑](#footnote-ref-2)
3. Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện trước khi phê duyệt dự án thì thay bằng “dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư”. [↑](#footnote-ref-3)